

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1- CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp	7 - 8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	10 - 11
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	12 - 52

TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1, được thành lập theo Quyết định số 90/TTg ngày 07/3/1994 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 997/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 được chuyển sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 2438/QĐ-BXD ngày 30/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Nhà nước được đăng ký lại lần thứ nhất của Tổng Công ty số 4106000303 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/9/2006.

Công ty mẹ - Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 được chuyển sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty TNHH Một thành viên hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật doanh nghiệp theo Quyết định số 614/QĐ-BXD ngày 10/6/2010 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Tổng Công ty được phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1874/QĐ-TTg ngày 03/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số 0300402493 ngày 01/10/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 21/5/2021.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300402493 thay đổi lần thứ 11 ngày 21/5/2021 là 1.270.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một nghìn hai trăm bảy mươi tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Tổng Công ty được giao dịch trên Sàn chứng khoán UpCOM với mã chứng khoán là FIC.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà	Đỗ Thị Hiếu	Chủ tịch (Bầu ngày 22/4/2021)
Ông	Ông Tô Dũng	Chủ tịch (Miễn nhiệm Chủ tịch và Thành viên ngày 22/4/2021)
Ông	Cao Trường Thọ	Thành viên (Bầu ngày 22/4/2021)
Ông	Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên (Bầu ngày 22/4/2021)
Ông	Phạm Việt Thắng	Thành viên (Bầu ngày 22/4/2021)
Ông	Đặng Minh Thừa	Thành viên (Bầu ngày 22/4/2021)
Ông	Hồ Đình Thuần	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 22/4/2021)
Ông	Võ Thành Nhân	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 22/4/2021)

Ban Kiểm soát

Ông	Đào Quang Sơn	Trưởng ban (Bầu ngày 22/4/2021)
Ông	Phạm Việt Thắng	Trưởng ban (Miễn nhiệm Trưởng ban và Thành viên ngày 22/4/2021)
Bà	Trần Linh Chi	Thành viên (Bầu ngày 22/4/2021)
Ông	Lê Văn Huy	Thành viên (Bầu ngày 22/4/2021)
Ông	Hồ Bảo Hùng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 22/4/2021)

TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Cao Trường Thụ

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2022

Số: 83/2022/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần, được lập ngày 12 tháng 3 năm 2022, từ trang 07 đến trang 52, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc, cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Vũ Ngọc Ân**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số 01/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT***Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2022*

Lưu Minh Tới**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2022-137-1

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		904.865.220.259	1.120.970.067.835
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	142.640.939.500	210.699.891.476
1. Tiền	111		129.840.939.500	206.599.891.476
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.800.000.000	4.100.000.000
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	-	16.820.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	16.820.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		482.253.853.182	568.256.417.443
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	267.669.906.506	355.971.074.849
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	210.038.798.719	154.777.315.832
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	101.299.094.103	143.004.697.450
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.6	(98.844.330.268)	(87.587.054.810)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.7	2.090.384.122	2.090.384.122
IV- Hàng tồn kho	140	5.8	272.941.546.838	319.006.536.814
1. Hàng tồn kho	141		272.971.255.592	319.036.245.568
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(29.708.754)	(29.708.754)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		7.028.880.739	6.187.222.102
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	502.437.040	513.822.363
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.216.121.933	5.673.399.739
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.17	310.321.766	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		1.121.401.084.171	1.177.255.632.356
I Các khoản phải thu dài hạn	210		23.450.938.673	23.876.642.720
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	23.450.938.673	23.876.642.720
II Tài sản cố định	220		2.986.076.523	5.791.505.076
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	2.457.194.339	4.970.431.652
- Nguyên giá	222		50.141.881.957	54.561.591.185
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(47.684.687.618)	(49.591.159.533)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	528.882.184	821.073.424
- Nguyên giá	228		6.158.352.618	6.158.352.618
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.629.470.434)	(5.337.279.194)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.12	15.161.123.298	16.773.219.223
1. Nguyên giá	231		31.597.726.547	31.597.726.547
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(16.436.603.249)	(14.824.507.324)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.13	3.472.892.623	2.200.464.293
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.472.892.623	2.200.464.293
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	1.030.220.183.439	1.080.559.565.852
1. Đầu tư vào Công ty con	251		264.701.827.219	257.733.646.870
2. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252		774.838.206.257	779.714.724.865
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		61.091.799.634	75.971.502.704
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(75.411.649.671)	(37.860.308.587)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		5.000.000.000	5.000.000.000
VI Tài sản dài hạn khác	260		46.109.869.615	48.054.235.192
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	46.109.869.615	48.054.235.192
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		2.026.266.304.430	2.298.225.700.191

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		672.825.387.407	994.500.190.991
I- Nợ ngắn hạn	310		614.724.802.475	936.504.606.059
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	116.329.754.429	148.329.434.685
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	99.583.507.778	97.655.834.693
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.17	807.717.422	508.950.860
4. Phải trả người lao động	314		3.751.575.755	4.033.291.285
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	2.518.711.599	2.347.817.642
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	1.998.750.241	2.876.148.123
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	384.376.956.162	675.271.764.496
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		5.357.829.089	5.481.364.275
II- Nợ dài hạn	330		58.100.584.932	57.995.584.932
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.18	58.100.584.932	57.995.584.932
D VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		1.353.440.917.023	1.303.725.509.200
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.20	1.353.440.917.023	1.303.725.509.200
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.270.000.000.000	1.270.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.270.000.000.000	1.270.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.133.928.481	7.864.555.574
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		74.306.988.542	25.860.953.626
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		22.052.834.905	473.495.491
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		52.254.153.637	25.387.458.135
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		2.026.266.304.430	2.298.225.700.191

Người lập



Phạm Thị Kim Chi

Kế toán trưởng



Phạm Việt Thắng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2022

Tổng Giám đốc



Cao Trường Thu

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 03 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		52.254.153.637	26.178.948.097
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		3.897.365.166	5.229.591.698
- Các khoản dự phòng	03		48.808.616.542	64.498.082.660
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(16.860)	3.115.131
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(149.871.636.919)	(206.381.486.404)
- Chi phí lãi vay	06		23.577.576.515	67.682.934.140
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		(21.333.941.919)	(42.788.814.678)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		46.751.600.849	226.036.094.729
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		46.064.989.976	400.123.510.595
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(30.183.493.793)	(84.812.086.434)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.955.750.900	2.915.311.205
- Tiền lãi vay đã trả	14		(24.042.396.536)	(68.182.279.994)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(60.556.404)	(791.489.962)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.662.281.000)	(2.900.732.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		16.489.672.073	429.599.513.461
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(1.302.371.966)	(2.784.288.956)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		217.142.507	4.073.420.659
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(16.820.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		16.820.000.000	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		19.770.280.559	27.298.728.470
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		170.849.262.575	177.292.759.688
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		206.354.313.675	189.060.619.861
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		1.214.447.223.300	1.780.691.409.535
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.505.342.031.634)	(2.243.174.411.009)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.146.250)	(31.729.123.988)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(290.902.954.584)	(494.212.125.462)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(68.058.968.836)	124.448.007.860
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		210.699.891.476	86.273.112.141
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61		16.860	(21.228.525)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	142.640.939.500	210.699.891.476

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 03 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Kim Chi

Phạm Việt Thắng

Cao Trường Thụ

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần tiền thân là Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1, được thành lập theo Quyết định số 90/TTg ngày 07/3/1994 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 997/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 được chuyển sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 2438/QĐ-BXD ngày 30/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Nhà nước được đăng ký lại lần thứ nhất của Tổng Công ty số 4106000303 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/9/2006.

Công ty mẹ - Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 được chuyển sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty TNHH Một thành viên hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật doanh nghiệp theo Quyết định số 614/QĐ-BXD ngày 10/6/2010 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Tổng Công ty được phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1874/QĐ-TTg ngày 03/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số 0300402493 ngày 01/10/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 21/5/2021.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300402493 thay đổi lần thứ 11 ngày 21/5/2021 là 1.270.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một nghìn hai trăm bảy mươi tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Tổng Công ty được giao dịch trên Sàn Giao dịch chứng khoán UpCOM với mã chứng khoán là FIC.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2021 là 56 người (tại ngày 31/12/2020 là 58 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Kinh doanh dịch vụ bất động sản: môi giới bất động sản, định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản);
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe (Sản xuất phụ tùng, thiết bị xe cơ giới chuyên dụng phục vụ ngành công nghiệp xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng, vật tư, nguyên liệu và sản phẩm phụ vụ ngành công nghiệp xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng);
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Kinh doanh, xuất nhập khẩu phụ tùng, thiết bị, xe cơ giới chuyên dụng phục vụ ngành công nghiệp xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng);
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Kinh doanh, xuất nhập khẩu xe cơ giới chuyên dụng phục vụ ngành công nghiệp xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng).

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Khai khoáng khác (Khai thác và chế biến khoáng chất, nguyên liệu và chất phụ gia phục vụ ngành xây dựng);
- Xây dựng nhà các loại (Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, khu dân cư, khu công nghiệp, khu chế xuất);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Thiết kế xây dựng công trình dân dụng công nghiệp, thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị);
- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng; Tư vấn đầu tư sản xuất nguyên liệu, vật liệu xây dựng; Đo đạc bản đồ);
- Hoạt động tư vấn quản lý ứng dụng, chuyển giao công nghệ sản xuất nguyên liệu, vật liệu xây dựng);
- Giáo dục nghề nghiệp (Tổ chức đào tạo nhân lực);
- Kinh doanh bến cảng, cho thuê mặt bằng, văn phòng làm việc, nhà xưởng, kho bãi);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Kinh doanh khách sạn – không hoạt động tại trụ sở);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Nhà hàng-Không hoạt động tại trụ sở); Hoạt động của các cơ sở thể thao (Hoạt động câu lạc bộ thể dục thẩm mỹ);
- Sản xuất khác (Sản xuất vật liệu xây dựng, vật tư, nguyên liệu và sản phẩm phục vụ ngành công nghiệp xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng – không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất máy chuyên dụng khác (Sản xuất xe cơ giới chuyên dụng phục vụ ngành công nghiệp xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng - Không sản xuất tại trụ sở);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (không sản xuất tại trụ sở); Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (Xây dựng công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật đô thị);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Xử lý nền móng và hạ tầng, nền đất yếu);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và sản phẩm liên quan (Bán buôn than đá, than non, than bùn, than củi, than cốc, diesel nhiên liệu, dầu nhiên liệu).

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng, khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, Kinh doanh bất động sản.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

1.4 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp

Từ đầu năm 2021, đại dịch COVID-19 có những ảnh hưởng gần như toàn bộ tới nền kinh tế Việt Nam. Doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Tổng Công ty giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước. Trong bối cảnh hoạt động sản xuất, kinh doanh chịu nhiều tác động do dịch COVID-19, Chính phủ đã và đang có nhiều chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Tuy nhiên, do chưa thuộc đối tượng được hỗ trợ theo chính sách của Chính phủ nên Tổng Công ty chưa nhận được các khoản hỗ trợ liên quan.

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1.5 Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31/12/2021, Tổng Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết và các đơn vị trực thuộc như sau:

Stt	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con					
1	Công ty TNHH MTV Kinh doanh Sản phẩm FiCO	Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh các thương hiệu sản phẩm FiCO	100,00%	100,00%
2	Công ty CP Phước Hòa FiCO	Km50 - QL51 - phường Tân Phước - thị xã Phú Mỹ - tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	Sản xuất kinh doanh đá xây dựng	73,87%	73,87%
3	Công ty CP Cơ khí Xây dựng Tân Định FiCO	Đường 2B, KCN Đồng An, xã Bình Hòa, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương	Gia công cơ khí; buôn bán vật liệu	64,24%	64,24%
4	Công ty CP gạch men Thanh Thanh	KCN Biên Hòa 1, Đường 1, phường An Bình, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất và kinh doanh gạch	51,44%	51,44%
5	Công ty TNHH MTV Cát Cam Ranh FiCO	Xã Cam Hải Tây, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất và kinh doanh cát	100,00%	100,00%
6	Công ty TNHH MTV Thương mại Vật liệu Xây dựng FiCO	Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh vật liệu xây dựng	100,00%	100,00%
7	Công ty CP Gạch Đông Nam Á	Thửa đất số 257, tờ bản đồ số 17, Khu phố 9, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	Sản xuất và kinh doanh gạch	51,00%	51,00%
Công ty liên kết					
1	Công ty CP xi măng FiCO Tây Ninh	Tầng 26, E. Town Central, 11 Đoàn Văn Bơ, phường 12, quận 4, Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất xi măng	25,84%	25,84%
2	Công ty CP Hóa An	Áp Cầu Hang, Xã Hóa An, Tp. Biên Hoà, Đồng Nai	Khai thác và chế biến khoáng sản, VLXD	24,86%	24,86%
3	Công ty CP Vitaly	Đường N1, Khu SXTT Bình Chuẩn, P. Bình Chuẩn, Tp. Thuận An, tỉnh Bình Dương	Sản xuất mua bán vật liệu xây dựng; Kinh doanh nhà ở	30,75%	30,75%
4	Công ty CP Havalí - FiCO	Số 65, đường số 3, Cư xá Chu Văn An, phường 26, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất thủy tinh, sản phẩm từ thủy tinh	20,00%	20,00%
5	Công ty TNHH Xây dựng FiCO - Corea	Tầng 6 Tòa Nhà Green Country, số 1, đường 81, phường Tân Quy, quận 7, Tp. Hồ Chí Minh	Cung cấp dịch vụ kỹ thuật xử lý nền đất yếu	49,50%	49,50%
6	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tân Bách Việt	Số 01 Bạch Đằng, phường 2, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp	29,00%	29,00%
7	Công ty CP FiCO Công nghệ Cao	Số 45 Hoa Mai, phường 2, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất gạch, bê tông thương phẩm	45,00%	45,00%
8	Công ty CP Bê tông FiCO Pan - United	Số 60 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất bê tông thương phẩm	45,00%	45,00%

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1.5 Cấu trúc Tổng Công ty (Tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31/12/2021 gồm:

Stt	Tên chi nhánh	Địa chỉ
1	Chi nhánh Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - CTCP - Xí nghiệp khai thác đá Thống Nhất	Áp 3, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
2	Chi nhánh Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - CTCP - Công ty Thương mại Vật liệu Xây dựng FiCO	Tầng 15, Tòa nhà Sailing Tower - 111A Pasteur, Quận 1, TP.HCM
3	Chi nhánh Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - CTCP - Chi nhánh FiCO Đồng Nai	Số 5, đường 16 A, Khu Công nghiệp Biên Hòa 2, phường An Bình, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
4	Chi nhánh Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - CTCP - Chi nhánh FiCO Bình Dương	Lô F, đường số 2B, KCN Đồng An, TX Thuận An, tỉnh Bình Dương

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính của Văn phòng Tổng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Tổng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo là Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính tổng hợp nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty.

Quyết toán cổ phần hóa

Tổng Công ty đã thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật để hoàn tất và trình Hồ sơ quyết toán giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần cho Bộ Xây dựng. Đến ngày phát hành báo cáo này, Tổng Công ty vẫn chưa nhận được Quyết định phê duyệt quyết toán giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ: Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp:

- Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào ngoại tệ của các ngân hàng Tổng Công ty giao dịch tại ngày 31/12/2021.
- Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của các ngân hàng Tổng Công ty giao dịch tại ngày 31/12/2021.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào Tài khoản số 413 - Chênh lệch tỷ giá, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc Chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác (Tiếp theo)

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình đã được đánh giá lại theo phương pháp tài sản để xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tại thời điểm 31/12/2013. Theo đó, nguyên giá tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá đánh giá lại theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kể từ ngày 01/10/2016 (Tổng Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần), giá trị khấu hao của tài sản cố định trong kỳ được tính bằng giá trị còn lại của tài sản tại ngày 01/10/2016 chia cho thời gian khấu hao còn lại của tài sản, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 25
Máy móc thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Các tài sản khác	08 - 20

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là quyền sử dụng đất, khoan tham dò trữ lượng mỏ đá được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình đã được đánh giá lại theo phương pháp tài sản để xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tại thời điểm 31/12/2013. Theo đó, nguyên giá tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá đánh giá lại theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp.

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tổng Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Tổng Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Bất động sản đầu tư đã được đánh giá lại theo phương pháp tài sản để xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tại thời điểm 31/12/2013. Theo đó, nguyên giá bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá đánh giá lại theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư (Tiếp theo)

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, thời gian khấu hao từ 02 năm đến 27 năm.

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Tổng Công ty là bên góp vốn

Các khoản vốn bằng tiền và tài sản góp vào BCC được ghi nhận như một khoản công nợ phải thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ghi nhận doanh thu, chi phí theo BCC: Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 137/FICO-HD ngày 27/11/2020 với Công ty CP Xây dựng và Thương mại Nam Trường An (bên liên doanh) về việc hoạt động kinh doanh (không thành lập pháp nhân mới) khai thác, chế biến đá xây dựng tại mỏ đá Sông Trầu tại Ấp 3, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Tài sản góp vốn là quyền khai thác mỏ đá Sông Trầu và tài sản cố định. Phân chia lợi nhuận cố định hằng năm với số tiền là 450.000.000 VND/năm. Việc quản lý, tổ chức kế toán và nghĩa vụ tài chính được thực hiện bởi Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Nam Trường An.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê văn phòng trả trước

Tiền thuê văn phòng trả trước thể hiện khoản tiền thuê đã trả cho phần diện tích Tổng Công ty đang sử dụng. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (36 năm).

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Phí cấp quyền khai thác khoáng sản: trích trước theo trữ lượng khai thác và đơn giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.
- Chi phí quản lý bất động sản: trích trước theo thời gian thực hiện hợp đồng.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá vật liệu xây dựng, và doanh thu cung cấp dịch vụ,...

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: Là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: Do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Tổng Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: Ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm và lỗ tỷ giá hối đoái.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác, Ban Tổng Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Tổng Công ty là kinh doanh sản phẩm vật liệu xây dựng và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	266.687.553	334.348.133
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	129.574.251.947	206.265.543.343
Các khoản tương đương tiền	12.800.000.000	4.100.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn (i)</i>	<i>12.800.000.000</i>	<i>4.100.000.000</i>
Tổng	142.640.939.500	210.699.891.476

(i) Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh với lãi suất 3,00%/năm.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a) Ngắn hạn	-	-	16.820.000.000	16.820.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	16.820.000.000	16.820.000.000
b) Dài hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Trái phiếu (i)	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Tổng	5.000.000.000	5.000.000.000	21.820.000.000	21.820.000.000

(i) Trái phiếu được phát hành bởi Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ngày 24/9/2019; số lượng: 5.000 trái phiếu; mệnh giá trái phiếu: 1.000.000 VND/trái phiếu; giá mua: 1.000.000 VND/trái phiếu; kỳ hạn: 07 năm; lãi suất thả nổi (lãi suất có điều chỉnh định kỳ).

TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đối tượng đầu tư	31/12/2021 (VND)			01/01/2021 (VND)				
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Giá trị đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa	Dự phòng	Giá trị hợp lý (1)	Giá trị đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa	Dự phòng	Giá trị hợp lý (1)
Đầu tư vào Công ty con			264.701.827.219	(73.434.341.084)		257.733.646.870	(35.883.000.000)	
Công ty TNHH Một thành viên Kinh doanh Sản phẩm FICO (2)	100,00%	100,00%	36.968.180.349	-	-	30.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Phước Hòa FICO (3)	73,87%	73,87%	28.604.575.510	-	-	28.604.575.510	-	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Tân Định FICO	64,24%	64,24%	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh	51,44%	51,44%	66.579.071.360	-	-	66.579.071.360	-	-
Công ty TNHH Một thành viên Cát Cam Ranh FICO	100,00%	100,00%	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000	-	-
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Vật liệu Xây dựng FICO	100,00%	100,00%	100.000.000.000	(70.884.341.084)	-	100.000.000.000	(33.333.000.000)	-
Công ty Cổ phần Gạch Đông Nam Á	51,00%	51,00%	2.550.000.000	(2.550.000.000)	-	2.550.000.000	(2.550.000.000)	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết			774.838.206.257			779.714.724.865		
Công ty Cổ phần Xi Măng FICO Tây Ninh	25,84%	25,84%	536.779.257.818	-	-	536.779.257.818	-	-
Công ty Cổ phần Hoà An	24,86%	24,86%	140.937.862.500	-	-	140.937.862.500	-	-
Công ty Cổ phần Vitaly	30,75%	30,75%	17.956.086.720	-	-	17.956.086.720	-	-
Công ty Cổ phần Havali FICO	20,00%	20,00%	-	-	-	-	-	-
Công ty TNHH Xây dựng FICO Corea	49,50%	49,50%	-	-	-	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tân Bách Việt	29,00%	29,00%	21.512.337.231	-	-	21.512.337.231	-	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản FICO Bình Phước (4)	0,00%	0,00%	-	-	-	4.876.518.608	-	-
Công ty Cổ phần FICO Công nghệ Cao	45,00%	45,00%	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Bê tông FICO Pan United	45,00%	45,00%	57.652.661.988	-	-	57.652.661.988	-	-

TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 - CÔNG TY CỔ PHẦN
Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường Bến Nghé,
quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)

Đối tượng đầu tư	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)		Giá trị hợp lý (1)	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Giá trị đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa	Dự phòng		Giá trị đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa
Đầu tư dài hạn khác			61.091.799.634	(1.977.308.587)	75.971.502.704	(1.977.308.587)
Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Gạch Sài Gòn			293.330.739	-	293.330.739	-
Công ty Cổ phần Bao Bi và Khoáng sản số 1	10,00%	10,00%	1.041.450.787	-	1.041.450.787	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp	5,59%	5,59%	2.300.016.674	-	2.300.016.674	-
Công ty Cổ phần Đầu tư FICO	13,16%	13,16%	26.325.000.000	-	26.325.000.000	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản FICO Tây Ninh	4,03%	4,03%	4.096.610.711	-	4.096.610.711	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng			3.093.151.670	(1.977.308.587)	3.093.151.670	(1.977.308.587)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (5)	0,194%	0,194%	2.444	-	54.583.341	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Vật liệu Xây dựng FICO (BMT)	16,05%	16,05%	7.298.882.365	-	7.298.882.365	-
Công ty Cổ phần BT20 Cửu Long (6)	8,88%	8,88%	16.643.354.244	-	31.468.476.417	-
Tổng			1.100.631.833.110	(75.411.649.671)	1.113.419.874.439	(37.860.308.587)

(1) Tại ngày Báo cáo, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chưa niêm yết để thuyết minh trong Báo cáo tài chính tổng hợp do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn.

(2) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Sản phẩm FICO tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 29/NQ-HĐQT ngày 06/4/2021 của Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1- Công ty Cổ phần về việc phê duyệt cho Công ty TNHH MTV Kinh doanh Sản phẩm FICO giữ lại lợi nhuận năm 2020 với tổng số tiền là 6.968.180.349 VND để tăng vốn điều lệ. Tại ngày 31/12/2021, vốn góp của Tổng Công ty tại Công ty TNHH MTV Kinh doanh Sản phẩm FICO là 36.968.180.349 VND, tỷ lệ sở hữu 100%.

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.2 Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

- (3) Trong năm, Công ty Cổ phần Phước Hòa FiCO tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 2021/NQ.ĐHCĐ ngày 29/4/2021 về việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 30 tỷ VND lên 60 tỷ VND từ nguồn quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận giữ lại. Giá trị cổ phiếu phát hành theo tỷ lệ 1/1 (mỗi cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu được nhận 1 cổ phiếu mới). Tại ngày 31/12/2021, tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Phước Hòa FiCO không thay đổi là 73,87% tương ứng với 4.431.998 cổ phiếu với tổng giá trị vốn góp theo mệnh giá là 44.319.980.000 VND.
- (4) Trong năm, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã thông qua Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT ngày 23/2/2021 về việc phê duyệt chủ trương thoái 100% vốn tại Công ty Cổ phần Khoáng sản FiCO Bình Phước và Nghị quyết số 52/NQ-HĐQT ngày 10/5/2021 về việc thay đổi phương án thoái vốn. Ngày 21/12/2021, Tổng Công ty đã hoàn tất thủ tục thoái vốn theo biên bản xác định kết quả chào giá cạnh tranh cổ phần. Tổng số lượng cổ phần đã thoái là 534.000 cổ phần. Tại ngày 31/12/2021, tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Khoáng sản FiCO Bình Phước là 0%.
- (5) Trong năm, Tổng Công ty chuyển nhượng 603.000 cổ phiếu nắm giữ tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành. Tỷ lệ sở hữu còn lại tại ngày 31/12/2021 là 0% (với 27 cổ phiếu lẻ).
- (6) Trong năm, Tổng Công ty nhận lại tiền góp vốn đầu tư (đợt 3) đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần BT20 Cửu Long (Số tiền đã nhận lại theo tỷ lệ góp vốn là 14.825.122.173 VND). Căn cứ vào hợp đồng xây dựng chuyển giao (hợp đồng BT) số 12/HĐ.BT-GBVT ngày 16/01/2014 và các Phụ lục hợp đồng, văn bản số 5232/BGTVT-CQLXD ngày 25/4/2015 của Bộ Giao thông Vận tải về việc chấp thuận nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào khai thác, hồ sơ thanh toán vốn chủ sở hữu và lợi nhuận nhà đầu tư (giai đoạn 1) trong khuôn khổ kế hoạch vốn năm 2021 đã được Ban Quản lý dự án chấp thuận. Tại ngày 31/12/2021, tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần BT20 Cửu Long là 8,88%.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Gạch Đông Nam Á	19.104.500.000	44.367.532.431
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Vật liệu Xây dựng FiCO	11.875.840.407	111.446.546.985
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Sản phẩm FiCO	44.359.310.259	57.726.817.091
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Tân Định FiCO	17.338.653.956	17.338.653.956
Công ty TNHH Xây Lắp Thương Mại Hoàng Dũng	15.862.179.158	15.862.179.158
Công ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại Sản Xuất Xây Dựng Đông Mê Kông (QL20)	14.248.147.377	14.248.147.377
Các đối tượng khác	144.881.275.349	94.981.197.851
Tổng	267.669.906.506	355.971.074.849
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>	<i>95.495.168.292</i>	<i>246.247.625.872</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>		

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Gạch Đông Nam Á	204.945.804.073	149.426.968.245
Các đối tượng khác	5.092.994.646	5.350.347.587
Tổng	210.038.798.719	154.777.315.832
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>206.612.562.725</i>	<i>151.454.944.896</i>

5.5 Phải thu khác

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	101.299.094.103	(20.925.821.742)	143.004.697.450	(20.925.821.742)
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	105.076.713	-	241.608.877	-
Tạm ứng	3.071.196.325	-	3.158.454.471	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.094.814.815	-	21.880.515.690	-
Chiết khấu được hưởng	-	-	705.803.709	-
Phải thu về vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vitaly	20.579.214.440	-	20.579.214.440	-
Phải thu khác của Công ty Cổ phần Vitaly	4.852.757.195	-	4.852.757.195	-
Phải thu Công ty Cổ phần Trường An	1.846.506.273	(1.846.506.273)	1.846.506.273	(1.846.506.273)
Phải thu về cổ tức lợi nhuận được chia	17.068.837.464	-	44.545.150.864	-
+ Công ty TNHH MTV Cát Cam Ranh FiCO	15.238.797.464	-	26.921.797.464	-
+ Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Kinh Doanh Vật Liệu Xây Dựng FiCO	1.830.040.000	-	1.830.040.000	-
+ Công ty Cổ phần Phước Hòa FiCO	-	-	6.647.997.000	-
+ Công TNHH MTV Kinh doanh sản phẩm FiCO	-	-	5.478.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh	-	-	3.667.316.400	-

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.5 Phải thu khác (Tiếp theo)

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Công ty Cổ phần Havalì FiCO	5.462.296.435	(5.462.296.435)	5.462.296.435	(5.462.296.435)
Phải thu tiền hỗ trợ kinh phí đền bù Dự án khu phố 4,5,6 P.TĐ Q.I	5.118.888.000	(5.118.888.000)	5.118.888.000	(5.118.888.000)
Công ty Cổ phần BT20 Cửu Long	8.210.292.645	(8.210.292.645)	8.210.292.645	(8.210.292.645)
Phải thu lãi Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu	7.923.054.795	-	7.923.054.795	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Vật liệu Xây dựng FiCO CN Đà Nẵng	2.766.169.503	-	2.766.169.503	-
Phải thu khác tại Bộ phận kinh doanh	317.724.247	(287.838.389)	1.285.295.576	(287.838.389)
Công ty Cổ phần Đầu tư FiCO	12.959.209.693	-	12.959.209.693	-
Công ty Cổ phần Gạch Đông Nam Á	1.265.571.329	-	1.003.803.709	-
Phải thu khác	657.484.231	-	465.675.575	-
b) Dài hạn	23.450.938.673	-	23.876.642.720	-
Ký cược, ký quỹ dài hạn	515.537.728	-	941.241.775	-
Phải thu Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tân Bách Việt	22.935.400.945	-	22.935.400.945	-
Tổng	124.750.032.776	(20.925.821.742)	166.881.340.170	(20.925.821.742)
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu khác là các bên liên quan</i>	<i>81.048.147.654</i>		<i>121.022.693.434</i>	

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.6 Nợ xấu

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	111.857.986.377	13.013.656.109	112.918.420.151	25.331.365.341
Công ty TNHH Xây Lắp Thương Mại Hoàng Dũng	15.862.179.158	-	15.862.179.158	-
Công ty Cổ phần BT20 Cửu Long	8.210.292.645	-	8.210.292.645	-
Công ty Cổ phần Havalí FiCO	5.462.296.435	-	5.462.296.435	-
Phải thu tiền hỗ trợ kinh phí đền bù Dự án khu phố 4,5,6 P. TĐ Q.I	5.118.888.000	-	5.118.888.000	-
Công ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại Sản Xuất Xây Dựng Đông Mê Kông (QL20)	14.248.147.377	7.000.000.000	14.248.147.377	7.000.000.000
Chi nhánh Công ty Cổ Phần Hạ Tầng Thiên Ân	2.225.822.262	-	2.225.822.262	-
Công ty Cổ phần Cầu 12	2.051.871.243	-	2.051.871.243	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Trường An - Viwaseen	1.846.506.273	-	1.846.506.273	-
Chi nhánh Công ty TNHH Tâm Lan	1.682.214.996	-	1.682.214.996	-
Công ty TNHH Thương Mại Thép Thiên Á	1.629.637.250	-	1.629.637.250	-
Công ty Cổ phần Hà Tiên Phong	1.594.435.202	-	1.594.435.202	-
Tổng Công ty Xây Dựng Công trình Giao thông 1 - CTCP	1.556.217.736	-	1.556.217.736	-
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây dựng Macrocoz	1.511.999.999	-	1.511.999.999	-
Các đối tượng khác	48.857.477.801	6.013.656.109	49.917.911.575	18.331.365.341

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.7 Tài sản thiếu chờ xử lý

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Tài sản thiếu sau kiểm kê của Nhà máy rượu SP		2.090.384.122		2.090.384.122
Tổng		2.090.384.122		2.090.384.122

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi đường	-	-	36.250.010.684	-
Hàng hóa	32.408.221.583	(29.708.754)	42.299.970.019	(29.708.754)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	220.600.470.609	-	220.523.701.465	-
Hàng hóa bất động sản	19.962.563.400	-	19.962.563.400	-
Tổng	272.971.255.592	(29.708.754)	319.036.245.568	(29.708.754)

(i) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Dự án Tân Vạn - Nhơn Trạch (BOT) (1)	2.352.954.098	-	2.352.954.098	-
Dự án FICO Star (2)	218.247.516.511	-	218.170.747.367	-
Tổng	220.600.470.609	-	220.523.701.465	-

Thông tin liên quan đến dự án đầu tư tại ngày 31/12/2021:

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng đoạn đường Tân Vạn - Nhơn Trạch giai đoạn 1 thuộc đường Vàng dài 3, thành phố Hồ Chí Minh;
- Chủ đầu tư: Bộ Giao thông Vận tải;
- Đại diện chủ đầu tư: Tổng Công ty Đầu tư Phát triển và Quản lý Dự án Hạ tầng Giao thông Cửu Long (Tổng Công ty Cửu Long);
- Hình thức: Liên doanh theo hình thức hợp đồng BOT;
- Tổng mức đầu tư: 5.329,56 tỷ VND;
- Thời gian thực hiện dự án dự kiến: Từ năm 2016 đến năm 2019;
- Tiến độ thực hiện của dự án: Các bên liên doanh nhất trí thỏa thuận cho Tổng Công ty Vật liệu xây dựng số 1 -CTCP đại diện liên doanh để thực hiện. Đại diện chủ đầu tư đã trình hồ sơ lên Thủ tướng Chính Phủ.

(1) Thông tin liên quan đến dự án đầu tư tại ngày 31/12/2021:

- Tên dự án: Nhà ở chung cư kết hợp thương mại - dịch vụ, trường mầm non và nhà liên kế có sân vườn tại khu đất số 2/34 đường Phan Huy Ích, phường 15, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh;
- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Vật liệu xây dựng Số 1- Công ty Cổ phần (FICO);
- Tổng mức đầu tư: 744,2 tỷ VND;
- Thời gian thực hiện dự án dự kiến: 03 năm (kể từ thời điểm được chấp nhận đầu tư, năm 2016);
- Tiến độ thực hiện của dự án: Dự án đã bước vào giai đoạn đầu tư xây dựng, hoàn thành hạng mục cơ sở hạ tầng, ký kết, thực hiện Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng đất nền Khu liên kế, thu nhận tiền đặt cọc của khách hàng.

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.9 Chi phí trả trước

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn	502.437.040	513.822.363
Chi phí bê tông đầm lăn	401.917.020	401.917.020
Chi phí khác chờ phân bổ	100.520.020	111.905.343
b) Dài hạn	46.109.869.615	48.054.235.192
Chi phí thuê văn phòng tại tòa nhà Sailing Tower	44.849.174.197	46.717.889.785
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.260.695.418	1.336.345.407
Tổng	46.612.306.655	48.568.057.555

TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 - CÔNG TY CỔ PHẦN
 Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường Bến Nghé,
 quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.10 Tài sản cố định hữu hình

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
					Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2021	30.715.853.218	3.268.981.238	19.783.237.385	793.519.344	54.561.591.185
Tăng trong năm	-	-	-	29.943.636	29.943.636
Mua trong năm	-	-	-	29.943.636	29.943.636
Giảm trong năm	1.571.000.126	2.489.392.238	318.410.000	70.850.500	4.449.652.864
Thanh lý nhượng bán	1.571.000.126	2.489.392.238	318.410.000	70.850.500	4.449.652.864
Số dư tại ngày 31/12/2021	29.144.853.092	779.589.000	19.464.827.385	752.612.480	50.141.881.957
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2021	28.524.777.734	3.100.015.471	17.241.569.077	724.797.251	49.591.159.533
Tăng trong năm	773.660.516	1.979.167	1.194.309.711	23.128.607	1.993.078.001
Khấu hao trong năm	773.660.516	1.979.167	1.194.309.711	23.128.607	1.993.078.001
Giảm trong năm	1.034.241.772	2.476.047.644	318.410.000	70.850.500	3.899.549.916
Thanh lý nhượng bán	1.034.241.772	2.476.047.644	318.410.000	70.850.500	3.899.549.916
Số dư tại ngày 31/12/2021	28.264.196.478	625.946.994	18.117.468.788	677.075.358	47.684.687.618
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2021	2.191.075.484	168.965.767	2.541.668.308	68.722.093	4.970.431.652
Tại ngày 31/12/2021	880.656.614	153.642.006	1.347.358.597	75.537.122	2.457.194.339

Trong đó:

- Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 31.182.168.527 VND (tại ngày 01/01/2021 là 18.035.758.035 VND).
- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 31/12/2021 là 0 VND (tại ngày 01/01/2021 là 0 VND)

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.11 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Khoan thăm dò trữ lượng	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2021	5.843.824.787	314.527.831	6.158.352.618
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2021	5.843.824.787	314.527.831	6.158.352.618
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2021	5.022.751.363	314.527.831	5.337.279.194
Tăng trong năm	292.191.240	-	292.191.240
Khấu hao trong năm	292.191.240	-	292.191.240
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2021	5.314.942.603	314.527.831	5.629.470.434
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2021	821.073.424	-	821.073.424
Tại ngày 31/12/2021	528.882.184	-	528.882.184

Trong đó:

- Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 314.527.831 VND (tại ngày 01/01/2021 là 314.527.831 VND).

TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phương Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.12 Bất động sản đầu tư**Bất động sản đầu tư cho thuê**

Nguyên giá
 Sản Thương mại dịch vụ - Chung cư 17 Hồ Hào Hớn
 Văn phòng làm việc tại Chung cư Vạn Đô
 Sàn giao dịch Bất động sản tại Chung cư Vạn Đô
 Khu văn phòng thương mại dịch vụ tại Chung cư Vạn Đô
 Khu văn phòng thương mại dịch vụ tại Chung cư Horizon
 Nhà máy Cán Kéo
 Tiền thuê đất Nhà máy Cán Kéo

Giá trị hao mòn lũy kế

Sản Thương mại dịch vụ - Chung cư 17 Hồ Hào Hớn
 Văn phòng làm việc tại Chung cư Vạn Đô
 Sàn giao dịch Bất động sản tại Chung cư Vạn Đô
 Khu văn phòng thương mại dịch vụ tại Chung cư Vạn Đô
 Khu văn phòng thương mại dịch vụ tại Chung cư Horizon
 Nhà máy Cán Kéo
 Tiền thuê đất Nhà máy Cán Kéo

Giá trị còn lại

Sản Thương mại dịch vụ - Chung cư 17 Hồ Hào Hớn
 Văn phòng làm việc tại Chung cư Vạn Đô
 Sàn giao dịch Bất động sản tại Chung cư Vạn Đô
 Khu văn phòng thương mại dịch vụ tại Chung cư Vạn Đô
 Khu văn phòng thương mại dịch vụ tại Chung cư Horizon
 Nhà máy Cán Kéo
 Tiền thuê đất Nhà máy Cán Kéo

Mẫu số B 09 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

	01/01/2021 (VND)	Tăng trong năm (VND)	Giảm trong năm (VND)	31/12/2021 (VND)
Nguyên giá	31.597.726.547	-	-	31.597.726.547
Sản Thương mại dịch vụ - Chung cư 17 Hồ Hào Hớn	5.546.280.685	-	-	5.546.280.685
Văn phòng làm việc tại Chung cư Vạn Đô	1.748.530.392	-	-	1.748.530.392
Sàn giao dịch Bất động sản tại Chung cư Vạn Đô	1.067.851.400	-	-	1.067.851.400
Khu văn phòng thương mại dịch vụ tại Chung cư Vạn Đô	10.832.417.430	-	-	10.832.417.430
Khu văn phòng thương mại dịch vụ tại Chung cư Horizon	3.247.061.227	-	-	3.247.061.227
Nhà máy Cán Kéo	6.424.310.413	-	-	6.424.310.413
Tiền thuê đất Nhà máy Cán Kéo	2.731.275.000	-	-	2.731.275.000
Giá trị hao mòn lũy kế	14.824.507.324	1.612.095.925	-	16.436.603.249
Sản Thương mại dịch vụ - Chung cư 17 Hồ Hào Hớn	1.663.884.216	554.628.072	-	2.218.512.288
Văn phòng làm việc tại Chung cư Vạn Đô	702.493.168	75.377.160	-	777.870.328
Sàn giao dịch Bất động sản tại Chung cư Vạn Đô	431.549.543	46.394.916	-	477.944.459
Khu văn phòng thương mại dịch vụ tại Chung cư Vạn Đô	4.750.119.313	433.296.696	-	5.183.416.009
Khu văn phòng thương mại dịch vụ tại Chung cư Horizon	1.102.320.508	129.645.660	-	1.231.966.168
Nhà máy Cán Kéo	5.311.632.648	300.877.765	-	5.612.510.413
Tiền thuê đất Nhà máy Cán Kéo	862.507.928	71.875.656	-	934.383.584
Giá trị còn lại	16.773.219.223	-	1.612.095.925	15.161.123.298
Sản Thương mại dịch vụ - Chung cư 17 Hồ Hào Hớn	3.882.396.469	-	554.628.072	3.327.768.397
Văn phòng làm việc tại Chung cư Vạn Đô	1.046.037.224	-	75.377.160	970.660.064
Sàn giao dịch Bất động sản tại Chung cư Vạn Đô	636.301.857	-	46.394.916	589.906.941
Khu văn phòng thương mại dịch vụ tại Chung cư Vạn Đô	6.082.298.117	-	433.296.696	5.649.001.421
Khu văn phòng thương mại dịch vụ tại Chung cư Horizon	2.144.740.719	-	129.645.660	2.015.095.059
Nhà máy Cán Kéo	1.112.677.765	-	300.877.765	811.800.000
Tiền thuê đất Nhà máy Cán Kéo	1.868.767.072	-	71.875.656	1.796.891.416

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.12 Bất động sản đầu tư (Tiếp theo)

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty là nhà văn phòng và một số công trình khác tại số 17 Hồ Hảo Hớn, phường Cô Giang, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh; số 348 Bến Vân Đồn, phường 1, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh; số 214 Trần Quang Khải, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh và Lô F, đường số 2B, KCN Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương được Tổng Công ty sử dụng để cho thuê hoạt động.

Doanh thu và giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong năm với số tiền lần lượt là 4.986.011.267 VND và 684.714.432 VND.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2021 cần được trình bày. Tại ngày Báo cáo, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do Tổng Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2021 bao gồm bất động sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn cho thuê với giá trị là 2.383.347.362 VND (tại ngày 01/01/2021: 1.018.983.726 VND).

5.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí dự án nhà máy Silica	2.546.869.532	1.690.623.202
Dự án triển khai sử dụng hệ thống quản lý doanh nghiệp Fast Business Online	656.494.000	240.312.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	269.529.091	269.529.091
Tổng	3.472.892.623	2.200.464.293

5.14 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV Cát Cam Ranh FiCO	44.529.991.326	44.529.991.326	-	-
Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh	20.740.864.241	20.740.864.241	37.240.683.055	37.240.683.055
Công ty Cổ phần Phước Hòa FiCO	35.526.112.184	35.526.112.184	129.178.715	129.178.715
Công ty Cổ phần Vitaly	7.661.931.223	7.661.931.223	24.142.338.562	24.142.338.562
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	-	-	39.802.085.730	39.802.085.730
Công ty TNHH Thương mại Trung Tín H.B	-	-	5.019.580.370	5.019.580.370
Các đối tượng khác	7.870.855.455	7.870.855.455	41.995.568.253	41.995.568.253
Tổng	116.329.754.429	116.329.754.429	148.329.434.685	148.329.434.685

Trong đó:

Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Phải trả người bán là các bên liên quan	110.149.978.974	110.149.978.974
	65.304.076.552	65.304.076.552

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.15 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH KD và dịch vụ Sông Ngọc	97.234.945.500	97.234.945.500	97.234.945.500	97.234.945.500
Các đối tượng khác	2.348.562.278	2.348.562.278	420.889.193	420.889.193
Tổng	99.583.507.778	99.583.507.778	97.655.834.693	97.655.834.693

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí quyền khai thác khoáng sản	100.297.000	100.297.000
Chi phí lãi vay	371.886.945	798.074.870
Chi phí tổ chức tiệc tất niên	-	1.000.000.000
Chi phí quảng cáo thương hiệu	1.140.500.000	-
Chi phí khác	906.027.654	449.445.772
Tổng	2.518.711.599	2.347.817.642

5.17 Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2021
	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)
Phải nộp	508.950.860	9.187.894.122	8.889.127.560	807.717.422
Thuế GTGT	-	5.801.031.261	5.801.031.261	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	430.116.860	60.556.404	60.556.404	430.116.860
Thuế thu nhập cá nhân	78.834.000	1.253.724.940	1.204.723.740	127.835.200
Thuế nhà đất tiền thuê đất	-	1.543.709.494	1.543.709.494	-
Các loại thuế khác	-	80.269.144	80.269.144	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	448.602.879	198.837.517	249.765.362
Phải thu	-	-	310.321.766	310.321.766
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	-	310.321.766	310.321.766

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.18 Phải trả khác

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.998.750.241	2.876.148.123
Các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc	5.560.771	5.560.771
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	60.000.000	165.000.000
Cổ tức phải trả các cổ đông	12.729.762	20.876.012
Công ty CP BT 20 Cửu Long (DA QL20)	809.665.911	809.665.911
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thương mại Vật liệu Xây dựng FiCO Đà Nẵng	395.000.000	395.000.000
Công ty TNHH MTV Kinh Doanh Sản Phẩm FiCO	-	705.803.709
Các khoản khác	715.793.797	774.241.720
b) Dài hạn	58.100.584.932	57.995.584.932
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.050.000.000	2.945.000.000
Phải trả về dự án FiCO Tower - Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tân Bách Việt (i)	55.050.584.932	55.050.584.932
Tổng	60.099.335.173	60.871.733.055
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả khác là các bên liên quan	55.445.584.932	56.151.388.641
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>		

(i) Khoản phải trả Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tân Bách Việt về dự án FiCO Tower tại số 927 đường Trần Hưng Đạo, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh. Tổng Công ty sẽ thực hiện tất toán sau khi quyết toán dự án hoàn thành.

TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 - CÔNG TY CỔ PHẦN
 Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường Bến Nghé,
 quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.19 Vay ngắn hạn

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
Vay ngắn hạn	384.376.956.162	384.376.956.162	1.214.447.223.300	1.505.342.031.634
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh (1)	317.056.156.983	317.056.156.983	1.025.901.016.391	1.269.389.902.881
Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	-	8.509.941.902	30.411.717.219
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Bến Thành	-	-	20.000.000.000	72.854.694.930
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Bình Dương (2)	37.000.000.000	37.000.000.000	116.500.000.000	79.500.000.000
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh 5 (3)	30.320.799.179	30.320.799.179	43.536.265.007	53.185.716.604
Tổng	384.376.956.162	384.376.956.162	1.214.447.223.300	1.505.342.031.634
				675.271.764.496
				560.545.043.473
				21.901.775.317
				52.854.694.930
				39.970.250.776
				675.271.764.496

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.19 Vay ngắn hạn (Tiếp theo)

(1) *Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 12/2021/77158/HĐTD ngày 30/11/2021 với các thông tin chi tiết như sau:*

- Hạn mức vay: 650.000.000.000 VND;
- Thời hạn cấp hạn mức vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng hạn mức;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, mở L/C và bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Lãi suất vay: áp dụng theo từng hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp tài sản là xe ô tô Toyota Fortuner 51A 302.44 có giá trị 65.000.000 VND, xe ô tô Toyota Corolla Altis 51A 565.80 có giá trị 88.000.000 VND và quyền thuê tài sản là bất động sản có giá trị 44.381.000.000 VND theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 49/2013/77158 ngày 30/08/2013 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 49/2013/77158-PL1 ngày 24/3/2017; Hợp đồng thế chấp tài sản số 52/2015/77158/HĐTC ngày 02/11/2015 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 52/2015/77158/HĐTC-PL1 ngày 24/3/2017; Hợp đồng thế chấp 01/2020/77158/HĐBĐ ngày 18/5/2020; Hợp đồng thế chấp số 03/2020/77158/HĐBĐ ngày 18/5/2020, hợp đồng thế chấp 04/2020/77158/HĐBĐ ngày 18/5/2020 và hợp đồng thế chấp 08/2021/77158/HĐBĐ ngày 30/11/2021 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh và Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần;
- Số dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2021: 317.056.156.983 VND.

(2) *Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Bình Dương theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 001A21/HM-QLN ngày 24/02/2021 với các thông tin chi tiết như sau:*

- Hạn mức vay: 50.000.000.000 VND;
- Thời hạn cấp hạn mức vay: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực nhưng không quá ngày 15/02/2022; Thời hạn vay tối đa cho từng giấy nhận nợ là 06 tháng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Lãi suất vay: áp dụng theo từng khế ước nhận nợ;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: cấp tín dụng không có tài sản bảo đảm;
- Số dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2021: 37.000.000.000 VND.

(3) *Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh 5 theo Hợp đồng tín dụng số 6222-LAV-20200612 ngày 25/9/2020 và hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 6222-LAV-20200612-01 ký ngày 20/9/2021 với các thông tin chi tiết như sau:*

- Hạn mức vay: 40.000.000.000 VND;
- Thời hạn cấp hạn mức vay: từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 25/09/2022. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ theo từng Giấy nhận nợ cụ thể;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và phát hành cam kết bảo lãnh;
- Lãi suất vay: Lãi suất biến đổi, lãi suất cho vay được xác định trên từng giấy nhận nợ. Mức lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 6,8%/năm (năm 365 ngày);
- Hình thức đảm bảo tiền vay: cấp tín dụng không có tài sản bảo đảm;
- Số dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2021: 30.320.799.179 VND.

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.20 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2020	1.270.000.000.000	6.087.938.381	37.553.347.069	1.313.641.285.450
Lãi trong năm trước	-	-	25.387.458.135	25.387.458.135
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	1.776.617.193	(1.776.617.193)	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(3.553.234.385)	(3.553.234.385)
Chia cổ tức năm 2019	-	-	(31.750.000.000)	(31.750.000.000)
Số dư tại 31/12/2020	1.270.000.000.000	7.864.555.574	25.860.953.626	1.303.725.509.200
Số dư tại 01/01/2021	1.270.000.000.000	7.864.555.574	25.860.953.626	1.303.725.509.200
Lãi trong năm nay	-	-	52.254.153.637	52.254.153.637
Trích Quỹ đầu tư phát triển (i)	-	1.269.372.907	(1.269.372.907)	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	(2.538.745.814)	(2.538.745.814)
Số dư tại 31/12/2021	1.270.000.000.000	9.133.928.481	74.306.988.542	1.353.440.917.023

(i) Tổng Công ty phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCD ngày 22/4/2021 của Đại hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2021, Tổng Công ty trích lập Quỹ đầu tư phát triển (tỷ lệ 5% trên lợi nhuận sau thuế năm 2020) với số tiền là 1.269.372.907 VND. Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty ủy quyền cho Hội đồng Quản trị căn cứ vào tình hình thực tế quyết định mức trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi. Tổng Công ty trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (tỷ lệ 10% trên lợi nhuận sau thuế năm 2020) với số tiền 2.538.745.814 VND theo Nghị quyết số 147/NQ-HDQT của Hội đồng Quản trị ngày 27/12/2021.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020 còn lại được Tổng Công ty để lại cho việc chi trả khoản lãi chậm nộp tạm tính phát sinh từ khoản phải nộp về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp do cổ phần hóa Công ty mẹ Tổng công ty Vật liệu xây dựng Số 1 - TNHH MTV, được thông báo qua đối chiếu công nợ với Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp. Tuy nhiên, hiện nay Tổng Công ty vẫn chưa có Quyết định phê duyệt quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần. Tổng Công ty sẽ ghi nhận đầy đủ ngay khi có quyết định thu nộp chính thức của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1**- CÔNG TY CỔ PHẦN**Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Đối tượng	Tại ngày 31/12/2021			Tại ngày 01/01/2021		
	Tỷ lệ	Số lượng cổ phiếu	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ	Số lượng cổ phiếu	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước - Công ty TNHH	40,08%	50.900.100	509.001.000.000	40,08%	50.900.100	509.001.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu	40,00%	50.800.000	508.000.000.000	40,00%	50.800.000	508.000.000.000
Các cổ đông khác	19,92%	25.299.900	252.999.000.000	19,92%	25.299.900	252.999.000.000
Tổng		127.000.000	1.270.000.000.000		127.000.000	1.270.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn góp đầu năm	1.270.000.000.000	1.270.000.000.000
Vốn góp cuối năm	1.270.000.000.000	1.270.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia trong năm	-	31.750.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	127.000.000	127.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	127.000.000	127.000.000
Cổ phiếu phổ thông	127.000.000	127.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	127.000.000	127.000.000
Cổ phiếu phổ thông	127.000.000	127.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Quỹ đầu tư phát triển	9.133.928.481	7.864.555.574
Tổng	9.133.928.481	7.864.555.574

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.21 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại	31/12/2021	01/01/2021
USD	1.157,81	1.287,30

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.084.169.257.032	2.036.669.404.948
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.693.075.170	17.493.725.708
Tổng	1.093.862.332.202	2.054.163.130.656

Trong đó:

<i>Doanh thu với các bên liên quan</i>	<i>854.535.318.684</i>	<i>1.294.356.184.195</i>
----------------------------------------	------------------------	--------------------------

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chiết khấu thương mại	2.171.061.166	4.817.619.935
Giảm giá hàng bán	1.157.588.190	385.092.982
Hàng bán bị trả lại	481.075.129	11.556.400
Tổng	3.809.724.485	5.214.269.317

Trong đó:

<i>Các khoản giảm trừ doanh thu với các bên liên quan</i>	<i>3.531.969.326</i>	<i>4.741.048.617</i>
-----------------------------------------------------------	----------------------	----------------------

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

6.3 Doanh thu thuần

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.080.359.532.547	2.031.455.135.631
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.693.075.170	17.493.725.708
Tổng	1.090.052.607.717	2.048.948.861.339

Trong đó:

<i>Doanh thu thuần với các bên liên quan</i>	<i>851.003.349.358</i>	<i>1.289.615.135.578</i>
----------------------------------------------	------------------------	--------------------------

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

6.4 Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán	1.070.062.661.134	2.024.315.801.946
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	6.157.392.213	1.090.896.924
Tổng	1.076.220.053.347	2.025.406.698.870

TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1**- CÔNG TY CỔ PHẦN**Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	830.991.686	1.573.252.472
Lãi chậm thanh toán	-	879.512.451
Cổ tức, lợi nhuận được chia	144.880.507.179	178.428.564.534
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	505.266.587	1.824.521.982
Lãi bán các khoản đầu tư	4.493.098.495	26.185.627.616
Chiết khấu thanh toán	27.056.812	131.840.291
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	16.860	-
Tổng	150.736.937.619	209.023.319.346
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu tài chính với các bên liên quan</i>	<i>142.062.254.349</i>	<i>176.704.564.534</i>

6.6 Chi phí tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền vay	23.577.576.515	67.682.934.140
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	524.226
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	37.551.341.084	35.883.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	38.106.448	212.141.343
Chi phí tài chính khác	226.193.392	7.559
Tổng	61.393.217.439	103.778.607.268

6.7 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí bán hàng	4.821.146.962	23.279.668.264
Chi phí nhân viên	-	554.371.884
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	-	11.818.212
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.735.885.120	21.681.874.357
Chi phí bằng tiền khác	85.261.842	1.031.603.811
Chi phí quản lý doanh nghiệp	49.191.446.135	84.879.701.132
Chi phí nhân viên quản lý	21.419.524.499	28.055.044.223
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	-	3.830.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	82.976.511	32.868.752
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.563.510.303	3.905.638.262
Thuế phí và lệ phí	34.679.600	145.937.517
Chi phí dự phòng	11.257.275.458	28.585.373.906
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.499.098.752	14.320.412.051
Chi phí bằng tiền khác	3.334.381.012	9.830.596.421
Tổng	54.012.593.097	108.159.369.396

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.8 Lợi nhuận khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	217.142.507	-
Thu từ chậm tiến độ, bồi thường	1.193.380.990	1.297.546.103
Thu nhập từ hỗ trợ nhà phân phối và các khoản chiết khấu thanh toán	2.504.047.053	1.414.362.033
Thu phí sử dụng thương hiệu	1.284.213.700	2.418.091.491
Xử lý công nợ, thừa qua cân, kiểm kê	-	1.461.621.835
Thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh - Khai thác, chế biến đá xây dựng tại mỏ đá Sông Trầu	460.000.000	1.033.180.659
Thu từ dịch vụ cho thuê	286.976.214	1.559.087.182
Các khoản khác	528.273.718	33.275.721
Tổng	6.474.034.182	9.217.165.024
<i>Chi phí khác</i>		
Hao hụt, xử lý kiểm kê, xử lý công nợ	-	178.115.271
Chi phí hỗ trợ nhà phân phối	2.688.203.272	1.131.077.596
Chi phí phạt vi phạm	18.584.132	265.729.600
Chi phí thuần về thanh lý tài sản cố định	-	214.557.968
Chi phí từ hợp đồng hợp tác kinh doanh - Khai thác, chế biến đá xây dựng tại mỏ đá Sông Trầu	-	624.580.909
Khấu hao TSCĐ và chi phí cho thuê mặt bằng	-	1.250.560.534
Các khoản khác	676.774.594	1.100.200
Tổng	3.383.561.998	3.665.722.078
Lợi nhuận khác	3.090.472.184	5.551.442.946

6.9 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	52.254.153.637	26.178.948.097
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	1.369.740.457	39.511.605.237
<i>Phạt chậm nộp</i>	18.584.132	265.729.600
<i>Chi phí không hợp lý hợp lệ</i>	248.537.237	447.703.667
<i>Chi phí lãi vay không được trừ</i>	835.287.081	38.519.648.113
<i>Khấu hao TSCĐ không được trừ</i>	267.315.147	278.523.857
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	16.860	-
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	144.880.507.179	178.428.564.534
<i>Thu nhập từ nhận cổ tức, lợi nhuận</i>	144.880.507.179	178.428.564.534
Thu nhập chịu thuế	(91.256.613.085)	(112.738.011.200)
Thu nhập tính thuế	(91.256.613.085)	(112.738.011.200)
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
Chi phí thuế TNDN	-	-
Điều chỉnh thuế TNDN truy thu các năm trước	-	791.489.962
Thuế TNDN hiện hành	-	791.489.962

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 ⁶ VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	4.860.089.362
Chi phí nhân công	21.419.524.499	28.625.064.319
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.897.365.166	5.229.591.698
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.311.044.242	36.002.286.408
Chi phí khác bằng tiền	12.977.697.213	10.862.200.232
Tổng	56.605.631.120	85.579.232.019

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

Tiền lương, thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Bà Đỗ Thị Hiếu	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	757.750.000	663.000.000
Ông Tô Dũng	Nguyên Chủ tịch Hội đồng Quản trị	279.400.000	876.000.000
Ông Cao Trường Thụ	Ủy viên Hội đồng Quản trị	64.000.000	-
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Ủy viên Hội đồng Quản trị	96.000.000	96.000.000
Ông Phạm Việt Thắng	Ủy viên Hội đồng Quản trị	64.000.000	-
Ông Đặng Minh Thừa	Ủy viên Hội đồng Quản trị	72.750.000	-
Ông Hồ Đình Thuận	Nguyên Ủy viên Hội đồng Quản trị	4.000.000	96.000.000
Ông Võ Thành Nhân	Nguyên Ủy viên Hội đồng Quản trị	211.550.000	663.000.000
Tổng		1.549.450.000	2.394.000.000

Thù lao và các lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Ông Đào Quang Sơn	Trưởng Ban Kiểm soát	257.240.000	60.000.000
Ông Phạm Việt Thắng	Nguyên Trưởng Ban Kiểm soát	32.000.000	96.000.000
Bà Trần Linh Chi	Thành viên Ban Kiểm soát	40.000.000	5.000.000
Ông Lê Văn Huy	Thành viên Ban Kiểm soát	40.000.000	-
Ông Hồ Bảo Hùng	Nguyên Thành viên Ban Kiểm soát	-	30.000.000
Tổng		369.240.000	191.000.000

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc (Tiếp theo)

Tiền lương và các lợi ích khác của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Ông Cao Trường Thụ	Tổng Giám đốc	612.833.400	262.500.000
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Nguyên Tổng Giám đốc	570.166.600	630.000.000
Ông Nguyễn Quang Trung	Nguyên Tổng Giám đốc	-	157.533.100
Ông Phạm Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc Kế toán trưởng	526.837.500	567.000.000
Ông Hồ Đình Thuần	Nguyên Phó Tổng Giám đốc	54.250.000	651.000.000
Ông Lê Thái Hiệp	Nguyên Phó Tổng Giám đốc Nguyên Kế toán trưởng	182.916.700	525.000.000
Tổng		1.947.004.200	2.793.033.100

b. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giao dịch mua			812.916.212.747	862.817.839.607
Công ty Cổ phần Phước Hòa FiCO	Công ty con	Mua vật liệu xây dựng	122.217.025.740	28.277.175.922
Công ty TNHH MTV Thương mại Vật liệu Xây dựng FiCO	Công ty con	Mua vật liệu xây dựng	16.408.158.442	3.745.631.389
Công ty Cổ phần Xi Măng FiCO Tây Ninh	Công ty liên kết	Mua xe ô tô	-	2.428.312.500
Công ty Cổ phần Vitaly	Công ty liên kết	Mua vật liệu xây dựng	125.112.838.142	76.041.015.720
Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh	Công ty con	Mua vật liệu xây dựng	183.168.759.951	113.969.063.828
Công ty Cổ phần Gạch Đông Nam Á	Công ty con	Mua vật liệu xây dựng	316.660.997.566	257.091.146.510
Công ty TNHH MTV Cát Cam Ranh FiCO	Công ty con	Mua vật liệu xây dựng	49.348.432.906	3.384.707.000
Công ty Cổ phần Bao bì Khoáng sản Số 01	Công ty liên kết của Công ty con	Mua vật liệu xây dựng	-	6.820.576.400

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giao dịch bán			854.535.318.684	1.294.356.184.195
Công ty Cổ phần Vitaly	Công ty liên kết	Bán vật liệu xây dựng	58.097.400	17.322.760.661
Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh	Công ty con	Bán vật liệu xây dựng	749.420.091	29.800.602.472
Công ty Cổ phần Xi măng FiCO Tây Ninh	Công ty liên kết	Bán vật liệu xây dựng	1.800.001.500	-
Công ty Cổ phần Gạch Đông Nam Á	Công ty con	Bán vật liệu xây dựng	95.000.000	92.822.696.364
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Sản phẩm FICO	Công ty con	Bán vật liệu xây dựng	674.398.201.278	434.540.316.495
Công ty TNHH MTV Thương mại Vật liệu Xây dựng FiCO	Công ty con	Bán vật liệu xây dựng	177.434.598.415	719.869.808.203
Các khoản giảm trừ doanh thu			3.531.969.326	4.741.048.617
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Sản phẩm FICO	Công ty con	Giảm trừ doanh thu	3.138.553.436	4.741.048.617
Công ty TNHH MTV Thương mại Vật liệu Xây dựng FiCO	Công ty con	Giảm trừ doanh thu	393.415.890	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia			142.062.254.349	176.704.564.534
Công ty Cổ phần Xi măng FiCO Tây Ninh	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	115.505.247.000	128.039.570.534
Công ty Cổ phần Phước Hòa FiCO	Công ty con	Cổ tức được chia	4.431.998.000	7.755.997.100
Công ty Cổ phần Hóa An	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	11.275.029.000	13.154.200.500
Công ty TNHH MTV Cát Cam Ranh FiCO	Công ty con	Lợi nhuận được chia	9.317.000.000	18.541.000.000
Công ty Cổ Phần Gạch men Thanh Thành	Công ty con	Cổ tức được chia	-	3.667.316.400
Công ty Cổ phần Bao bì Khoáng sản Số 01	Công ty liên kết của Công ty con	Cổ tức được chia	42.800.000	68.480.000
Công ty TNHH Một thành viên Kinh doanh Sản phẩm FiCO	Công ty con	Lợi nhuận được chia	1.490.180.349	5.478.000.000

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2021 VND</u>	<u>Năm 2020 VND</u>
Giao dịch khác			12.253.218.142	3.358.459.487
Công ty Cổ phần Phước Hòa FiCO	Công ty con	Thu nhập từ phí sử dụng nhãn hiệu FiCO	1.284.213.700	2.418.091.491
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Sản phẩm FiCO	Công ty con	Chi phí hỗ trợ bù gạch Giảm trừ doanh thu Chi hỗ triển khai phần mềm	2.688.203.272 3.138.553.436 -	- - 156.002.322
Công ty TNHH MTV Thương mại Vật liệu Xây dựng FiCO	Công ty con	Dạnh thu cho thuê Thu nhập từ phạt chậm thanh toán Chiết khấu thanh toán Chi phí dịch vụ quản lý bất động sản Giảm trừ doanh thu Lãi cho vay	564.684.169 225.809.661 226.193.392 260.526.240 393.415.890 -	- 784.365.674 - - - -
Công ty Cổ Phần Gạch men Thanh Thanh	Công ty con	Thu nhập từ hỗ trợ bù gạch bể vỡ	827.867.357	-
Công ty Cổ phần Gạch Đông Nam Á	Công ty con	Thu nhập từ hỗ trợ bù gạch bể vỡ Phạt chậm thanh toán	1.574.993.233 967.571.329	- -
Công ty Cổ phần Vitaly	Công ty liên kết	Thu nhập từ hỗ trợ bù gạch bể vỡ	101.186.463	-

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

c. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất số dư	31/12/2021 VND	01/01/2021 Trình bày lại VND
<u>Phải thu khách hàng</u>			95.495.168.292	246.247.625.872
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Sản phẩm FiCO	Công ty con	Phải thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	44.359.310.259	57.726.817.091
Công ty Cổ phần Vitaly	Công ty liên kết	Phải thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	27.993.460	12.999.998.978
Công ty Cổ phần Phước Hòa FiCO	Công ty con	Phải thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	-	1.270.295.940
Công ty Cổ phần Gạch Đông Nam Á	Công ty con	Phải thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	19.104.500.000	44.367.532.431
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Tân Định - FiCO	Công ty con	Phải thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	17.338.653.956	17.338.653.956
Công ty Cổ phần FiCO Công nghệ cao	Công ty liên kết	Phải thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	176.801.280	176.801.280
Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh	Công ty con	Phải thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	340.533.699	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Vật liệu Xây dựng FiCO	Công ty con	Phải thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	11.875.840.407	111.446.546.985
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thương mại Vật liệu Xây dựng FiCO Đà Nẵng	Công ty con	Phải thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	920.979.211	920.979.211
Công ty Cổ phần Xi măng FiCo Tây Ninh	Công ty liên kết	Phải thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	1.350.556.020	-
<u>Trả trước cho người bán</u>			206.612.562.725	151.454.944.896
Công ty Cổ phần Gạch Đông Nam Á	Công ty con	Ứng trước tiền mua vật liệu xây dựng	204.584.586.075	149.426.968.246
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Tân Định - FiCO	Công ty con	Ứng trước tiền hàng	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần FiCO Công nghệ cao	Công ty liên kết	Ứng trước tiền hàng	27.976.650	27.976.650

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

c. Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất số dư	31/12/2021 VND	01/01/2021 Trình bày lại VND
<u>Phải thu khác</u>			81.048.147.654	121.022.693.434
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Sản phẩm FiCO	Công ty con	Phải thu về lợi nhuận	-	5.478.000.000
Công ty Cổ phần Vitaly	Công ty liên kết	Vốn điều lệ	20.579.214.440	20.579.214.440
		Nợ trước cổ phần hóa	4.852.757.195	4.852.757.195
		Các khoản khác	3.688.800	3.688.800
Công ty Cổ phần Phước Hòa FiCO	Công ty con	Phải thu về cổ tức	-	6.647.997.000
Công ty Cổ phần Gạch Đông Nam Á	Công ty con	Các khoản khác	1.265.571.329	1.003.803.709
Công ty Cổ phần Havali FiCO	Công ty liên kết	Nợ trước cổ phần hóa	5.462.296.435	5.462.296.435
Công ty Cổ phần FiCO Công nghệ cao	Công ty liên kết	Nợ trước cổ phần hóa	21.196.748	21.196.748
Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh	Công ty con	Phải thu về cổ tức	-	3.667.316.400
		Tiền đặt cọc	-	12.760.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu	Cổ đông lớn	Phải thu về lãi cho vay	7.923.054.795	7.923.054.795
Công ty TNHH MTV Cát Cam Ranh FiCO	Công ty con	Phải thu về lợi nhuận	15.238.797.464	26.921.797.464
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tân Bách Việt	Công ty liên kết	Phải thu liên quan dự án FiCO Tower	22.935.400.945	22.935.400.945
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thương mại Vật liệu Xây dựng FiCO Đà Nẵng	Chi nhánh của Công ty con	Các khoản khác	2.766.169.503	2.766.169.503
<u>Phải trả người bán</u>			110.149.978.974	65.304.076.552
Công ty Cổ phần Phước Hòa FiCO	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ	35.526.112.184	129.178.715
Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ	20.740.864.241	37.240.683.055
Công ty Cổ phần Vitaly	Công ty liên kết	Mua hàng hóa, dịch vụ	7.661.931.223	24.142.338.562
Công ty TNHH MTV Cát Cam Ranh FiCO	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ	45.022.071.326	3.791.876.220
Công ty TNHH MTV TM Vật liệu Xây dựng FiCO	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ	1.199.000.000	-

TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1**- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

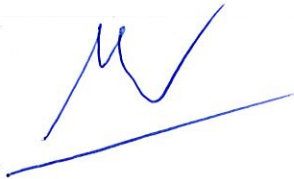
7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**c. Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất số dư	31/12/2021	01/01/2021
			VND	Trình bày lại VND
Phải trả khác			55.445.584.932	56.151.388.641
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thương mại Vật liệu Xây dựng FiCO Đà Nẵng	Chi nhánh của Công ty con	Các khoản khác	395.000.000	395.000.000
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Sản phẩm FICO	Công ty con	Các khoản chi hộ	-	705.803.709
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tân Bách Việt	Công ty liên kết	Phải trả liên quan dự án FiCO Tower	55.050.584.932	55.050.584.932

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập



Phạm Thị Kim Chi

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2022

Kế toán trưởng



Phạm Việt Thắng

Tổng Giám đốc



Cao Trường Thụ

